

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 20-02-2019.

V/v “Ly hôn giữa bà P với ông
T”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hữu Tân

2. Ông Trịnh Ngọc Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Chiến Trục – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Trúc Thanh- Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 02 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 466/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “ Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXX-ST ngày 21 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị P, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: ấp PT, xã PH, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Văn T, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: ấp PT, xã PH, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Bà P có mặt, ông T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/11/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Trần Thị P trình bày:

Bà và ông Huỳnh Văn T tự nguyện sống chung vào năm 2004, đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã PH, thị xã BT (nay là thành phố BT), tỉnh Bến Tre vào ngày 06 tháng 6 năm 2006. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông T không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng thường xuyên gây cãi. Ông bà đã ly thân

khoảng 02 năm nay. Nay tình cảm vợ chồng giữa bà và ông T không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Trong quá trình chung sống, bà và ông T có 02 con chung là cháu Huỳnh Xuân B sinh ngày 02/01/2007 và cháu Huỳnh Xuân K sinh ngày 27/6/2011. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi 02 con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi cháu 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng/tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/01/2019, bị đơn ông Huỳnh Văn T trình bày: ông và bà P do quen biết nên tự nguyện kết hôn năm 2006 và được ủy ban nhân dân xã PH cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 8/2018 thì phát sinh mâu thuẫn nên không thể sống chung được nữa. Ông dọn ra ngoài sống đến nay. Nguyên nhân là do bà P chỉ quan tâm bạn bè, không lo cho chồng nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nay bà P yêu cầu ly hôn, ông cũng đồng ý.

Trong quá trình chung sống ông bà có 02 con chung là cháu Huỳnh Xuân B sinh ngày 02/01/2007 và cháu Huỳnh Xuân K sinh ngày 27/6/2011. Sau khi ly hôn, ông đồng ý để bà P nuôi 02 con chung và ông cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi cháu 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng/tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do công việc ông không thể đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với bà P nên yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt ông. Ông cam kết không khiếu nại về sau.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre có ý kiến: Quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự được bảo đảm quyền và nghĩa vụ của mình đúng luật định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; bị đơn không thực hiện đúng pháp luật, vắng mặt không lý do trong các lần Tòa án mời hòa giải dù đã được triệu tập hợp lệ. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị P về việc xin ly hôn với ông Huỳnh Văn T; yêu cầu được trực tiếp nuôi hai cháu Huỳnh Xuân B sinh ngày 02/01/2007 và Huỳnh Xuân K sinh ngày 27/6/2011 và yêu cầu ông T cấp dưỡng 1.000.000đồng/tháng/hai cháu cho đến khi tròn 18 tuổi. Tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị P khởi kiện bị đơn ông Huỳnh Văn T. Hiện nay, ông T cư trú tại xã PH, thành phố BT, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Huỳnh Văn T nhưng ông T vắng mặt nên không tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được. Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/01/2019, ông T có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt ông. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T là phù hợp.

[2] Bà P và ông T tự nguyện sống chung vào năm 2004, có đăng ký kết hôn và được ủy ban nhân dân xã PH, thị xã BT (nay là thành phố BT), tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06 tháng 6 năm 2006 nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Thời gian đầu sau khi kết hôn bà P và ông T chung sống hạnh phúc. Theo bà P, năm 2015 vợ chồng ông bà phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, do ông T không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng thường xuyên gây cãi, ông bà đã ly thân khoảng 02 năm nay. Theo ông T, ông bà phát sinh mâu thuẫn từ tháng 8/2018 do bà P chỉ quan tâm đến bạn bè mà không lo cho ông, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và ông đã dọn ra ngoài sống cho đến nay. Tuy bà P và ông T trình bày không thống nhất về thời gian phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng cũng như thời gian vợ chồng ông bà sống ly thân với nhau nhưng ông bà đều thừa nhận mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng là có thật. Trong thời gian sống ly thân, ông bà cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/01/2019, ông T cũng đồng ý ly hôn với bà Phượng vì tình cảm vợ chồng không còn. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà P.

[3] Về con chung: sau khi ly hôn bà P xin nuôi 02 con chung là cháu Huỳnh Xuân B sinh ngày 02/01/2007 và cháu Huỳnh Xuân K sinh ngày 27/6/2011 và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi cháu 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng/tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Xét thấy, trong thời gian bà P và ông T ly thân, 02 con chung do bà P trực tiếp nuôi dưỡng, có cuộc sống, sinh hoạt, học tập ổn định, ông T cũng đồng ý để bà P nuôi chung. Tại biên bản lấy kiến của Tòa án, hai cháu cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích của con chung, Hội đồng xét xử giao 02 cháu Huỳnh Xuân B và Huỳnh Xuân K cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: bà P yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi cháu 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng/tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi là phù hợp quy định pháp luật, ông T cũng đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của bà P nên chấp nhận yêu cầu của bà P.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: bà P và ông T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đồng bà P phải chịu, án phí cấp dưỡng 300.000đồng ông T phải chịu theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị P và ông Huỳnh Văn T.

2. Về con chung: giao 02 con chung là cháu Huỳnh Xuân B sinh ngày 02/01/2007 và cháu Huỳnh Xuân K sinh ngày 27/6/2011 cho bà Trần Thị P trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Huỳnh Văn T cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi cháu 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng/tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: bà P và ông T cùng khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

4. Về án phí:

Bà P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0019569 ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Ông T phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Chi cục THADS TP BT.
- UBND xã PH.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lương Thị Thùy Dương